

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 34/ 2021/DS-ST

Ngày: 05-4-2021

V/v *Tranh chấp:*

*“ Hợp đồng vay tài sản
và thực hiện nghĩa vụ người
chết để lại”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Ngọc Viễn.

2. Ông Lê Văn Hạnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Thúy - kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-DS ngày 25-02-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-DS ngày 18-3-2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1949.

Địa chỉ: 62, đường Trần Quốc T, phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị H là ông Nguyễn Văn D sinh năm: 1957 (có mặt).

Địa chỉ: 125/3, đường Lý Thường K, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Ngô Kim V, sinh năm: 1973.

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1969 (chết ngày 21-9-2020).

Cùng địa chỉ: 386D, đường Trần Hưng Đ, phường B, TP M, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Kim V (tư cách bị đơn) là ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T1.

3.1. Nguyễn Bảo T1, sinh năm: 1995 (vắng mặt).

3.2. Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 24-4-2002.

Cùng địa chỉ: 386D, đường Trần Hưng Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hoàng Q là ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm:1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Đinh Thị D1, sinh năm:1929 (vắng mặt).

Địa chỉ: 386B, đường Trần Hưng Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Ngô Kim V, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: 386D, đường Trần Hưng Đ, phường B, thành phố M, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Kim V là ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm:1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-7-2020 và đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 02-11-2020 trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Văn D đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị H trình bày:

Bà Mai Thị H có cho bà Ngô Kim V, ông Nguyễn Thanh T vay nhiều lần từ năm 2009 đến ngày 16-12-2016 tổng số tiền 1.895.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất từ 2-3%/tháng, thời hạn 06 tháng đến 01 năm. Bà V, ông T có viết biên nhận nợ, các biên nhận do bà V viết, khi ông T, bà V vay tiền của bà H thì ông T, bà V có thể chấp: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CH:01427 do UBND huyện Định Q- Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Thanh T, bà Ngô Kim V ngày 31-12-2013, nhưng bà H đã trả lại cho bà V; 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hồ sơ gốc số 655-154/2007/QĐ.UB.GCN do UBND thành phố M cấp ngày 11-9-2007 cho ông Nguyễn Thanh T đứng tên cụ thể các lần vay như sau:

1. Biên nhận ngày 03-11-2009 số tiền 40.000.000 đồng.
2. Biên nhận ngày 20-11-2009 số tiền 65.000.000 đồng
3. Biên nhận ngày 27-11-2009 số tiền 90.000.000 đồng.
4. Biên nhận ngày 06-01-2010 số tiền 50.000.000 đồng
5. Biên nhận ngày 09-02-2010 số tiền 100.000.000 đồng.
6. Biên nhận ngày 13-02-2010 số tiền 70.000.000 đồng
7. Biên nhận ngày 11-3-2010 số tiền 50.000.000 đồng
8. Biên nhận ngày 25-3-2010 số tiền 60.000.000 đồng.
9. Biên nhận ngày 05-4-2010 số tiền 60.000.000 đồng
10. Biên nhận ngày 20-5-2010 số tiền 50.000.000 đồng
11. Biên nhận ngày 08-7- số tiền 40.000.000 đồng.
12. Biên nhận ngày 29-7-2010 số tiền 160.000.000 đồng
13. Biên nhận ngày 05-8-2010 số tiền 70.000.000 đồng
14. Biên nhận ngày 02-9-2010 số tiền 60.000.000 đồng.
15. Biên nhận ngày 27-01-2014 số tiền 200.000.000 đồng
16. Biên nhận ngày 13-02-2016 số tiền 200.000.000 đồng
17. Biên nhận ngày 16-12-2016 số tiền 210.000.000 đồng.

- 18. Biên nhận không ngày tháng năm số tiền 70.000.000 đồng
- 19. Biên nhận không ngày tháng năm số tiền 50.000.000 đồng
- 20. Biên nhận không ngày tháng năm số tiền 200.000.000 đồng
- 21. Biên nhận không ngày tháng năm số tiền 50.000.000 đồng
- TỔNG CỘNG 1.895.000.000 đồng

Đến nay bà Ngô Kim V, ông Nguyễn Thanh T còn nợ bà Mai Thị H số tiền 1.895.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà V và hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T trả cho bà H số tiền 1.895.000.000 đồng.

Theo lời trình của ông Nguyễn Hoàng A đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Kim V (tư cách bị đơn, người hàng kế quyền nghĩa vụ của ông T) trình bày tại biên bản không tiến hành kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18-12-2020:

1. Biên nhận nợ ngày 03-11-2009 số tiền 40.000.000 đồng, bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên, bà đóng trước hai tháng tiền lãi 5%/tháng số tiền 4.000.000 đồng. Thực nhận 36.000.000 đồng.

2. Biên nhận nợ ngày 20-11-2009 số tiền 65.000.000 đồng, bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên, nhưng cộng biên nhận ngày 03-11-2009 40.000.000 đồng mượn thêm 25.000.000 đồng nên tổng cộng 65.000.000 đồng, trừ tiền lãi suất 5%/tháng số tiền 6.500.000 đồng. Thực nhận 18.500.000 đồng).

3. Biên nhận ngày 27-11-2009 số tiền 90.000.000 đồng, bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên (biên nhận này cộng tiền của hai biên nhận ngày 03-11-2009 và biên ngày 20-11-2009) và có mượn thêm số tiền 25.000.000 đồng nên tổng cộng số tiền 90.000.000 đồng. Bà V thừa nhận có mượn bà H tổng cộng lần số tiền 90.000.000 đồng, nhưng bà đã trả tiền lãi trước 02 tháng 10.500.000đồng. Thực nhận 14.500.000 đồng.

4. Biên nhận nợ ngày 06-01-2010 số tiền 50.000.000 đồng, bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên phần trên, phần Hồng (tự là V P4) do bà H viết.

5. Biên nhận nợ ngày 09-02-2010 số tiền 100.000.000 đồng, bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên, nhưng trả tiền lãi trước 02 tháng số tiền 14.000.000 đồng. Thực nhận 86.000.000 đồng.

6. Biên nhận nợ ngày 13-02-2010 số tiền 70.000.000 đồng, bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng đã trừ tiền lãi trước 02 tháng số tiền 14.000.000 đồng. Thực nhận 56.000.000 đồng.

7. Biên nhận nợ ngày 25-3-2010 số tiền 60.000.000 đồng bà V thừa nhận bà viết biên nhận và ký tên nhưng là giấy nháp.

8. Biên nhận nợ ngày 11- 3-2010 số tiền 50.000.000 đồng bà V thừa nhận bà có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên phần trên và hai dòng dưới là do bà H viết, bà V thừa nhận có mượn của bà H 40.000.000 đồng và đã trả tiền lãi 01 tháng số tiền 2.800.000 đồng. Thực nhận 37.200.000 đồng.

9. Biên nhận nợ ngày 05 -4-2010 số tiền 60.000.000 đồng, bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và có ký tên, đã trả tiền lãi 01 tháng số tiền 4.200.000 đồng. Thực nhận 55.800.000 đồng.

10. Biên nhận nợ ngày 20-5-2010 số tiền 50.000.000 đồng bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, đã trả lãi trước 01 tháng số tiền 5.000.000 đồng. Thực nhận 45.000.000 đồng.

11. Biên nhận nợ ngày 08-7- 2009 số tiền 40.000.000 đồng bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên thỏa thuận lãi suất 7%/tháng đã tiền lãi trước 02 tháng 5.600.000 đồng. Thực nhận 34.400.000 đồng

12. Biên nhận nợ ngày 29-7-2010 số tiền 160.000.000 đồng bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên thỏa thuận lãi suất 7%/tháng đã trả tiền lãi trước 01 tháng số tiền 11.200.000 đồng thực nhận 148.800.000 đồng.

13. Biên nhận nợ ngày 05-8-2010 số tiền 70.000.000 đồng, bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên đã góp được 10 ngày số tiền 14.000.000 đồng. Thực nhận 56.000.000 đồng.

14. Biên nhận nợ ngày 02-9-2010 số tiền 60.000.000 đồng, bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên viết họ tên, thỏa thuận lãi suất 7%/tháng đã trả tiền lãi trước 02 tháng số tiền 8.400.000 đồng. Thực nhận 51.600.000 đồng.

15. Biên nhận nợ ngày 27-01-2014 số tiền 200.000.000 đồng, bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên cùng với biên nhận ngày 13-6-2016 và biên nhận số tiền 200.000.000 không ngày tháng (ba biên nhận này là một biên nhận), Đã thực nhận 200.000.000 đồng.

16. Biên nhận nợ ngày 16-12-2016 số tiền 210.000.000 đồng bà V thừa nhận có viết biên nhận ký tên, nhưng biên nhận này nhắc lại của biên nhận ngày 27-01-2014, ngày 13-6-2016 và biên ngày không ngày tháng số tiền 200.000.000 đồng.

17- Biên nhận số tiền 70.000.000 đồng là tờ giấy nháp của biên nhận 13-02-2010

18 -Biên nhận số tiền 50.000.000 đồng bà V thừa nhận có nợ bà H, biên nhận do bà viết và ký tên, đã trả tiền lãi cho các lần trước còn thiếu 13.760.000 đồng. Thực nhận 36.240.000 đồng.

Tổng cộng bà V, ông T1 còn nợ bà H số tiền khoảng 876.040.000.000 đồng nhưng làm tròn 900.000.000 đồng xin trả trong 02 tháng.

Ông Nguyễn Hoàng A đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hoàng Q thống nhất lời trình bày của bà Ngô Kim V (tư cách bị đơn).

Ông Nguyễn Hoàng A đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Kim V (hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông T) thống nhất như lời trình bày của bà V tư cách bị đơn)

Chị Nguyễn Bảo T1, cụ Đình Thị D1 được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật, nhưng chị T1, cụ D1 không đến tham gia các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình để Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như mở phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa tuân thủ đúng qui định pháp luật. Riêng chị T1, cụ D1 không thực hiện đúng qui định của pháp luật

Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D; đại diện uỷ quyền của bà Ngô Kim V và anh Nguyễn Hoàng Q là ông Nguyễn Hoàng A, thỏa thuận như sau: bà V thống nhất trả cho bà Mai Thị H số tiền nợ là 1.300.000.000 đồng, bà H đồng ý và bà H tự nguyện trả lại cho bà V cùng các thừa kế của ông T 01 giấy chứng nhận quyền sở H nhà do UBND thành phố M cấp cho ông Nguyễn Thanh T ngày 11/9/2007 sau khi họ thực hiện xong nghĩa vụ, thời hạn 02 tháng.

Bà V không đồng ý để các hàng thừa kế của ông T liên đới trả số tiền 1.300.000.0000 đồng.

Áp dụng Điều 466, 468, 615 Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX, ghi nhận sự thỏa thuận trên của nguyên đơn và bị đơn. Buộc bà V cùng hàng thừa kế của ông T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà H số tiền 1.300.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Mai Thị H với bà Ngô Kim V, hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T là bà Ngô Kim V, anh Nguyễn Hoàng Q, chị Nguyễn Bảo T1, cụ Đình Thị D1 là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và Thực hiện nghĩa vụ người chết để lại” thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa chị Nguyễn Bảo T1, cụ Đình Thị D1 được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật, nhưng chị T1, cụ D1 không đến dự phiên tòa, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Bảo T1, cụ Đình Thị D1.

[3] Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị H đồng ý cho bị đơn bà Ngô Kim V và hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông T là anh Nguyễn Hoàng Q, chị Nguyễn Bảo T1, bà Ngô Kim V, cụ Đình Thị D1 trả cho bà H số tiền 1.300.000.000 đồng trong vòng 02 tháng. Bà H đồng ý trả lại cho bà V 01 giấy chứng nhận quyền sở H nhà ở hồ sơ gốc số 655-154/2007/QĐ.UB.GCN tách từ hồ sơ gốc 3551(cấp do chuyển dịch lần 1) do UBND thành phố M cấp ngày 11-9-2007 cho ông Nguyễn Thanh T đứng tên.

[4] Tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng A đại diện theo ủy quyền cho bà Ngô Kim V (tư cách bị đơn và tư các hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông T)

đồng ý xin một mình bà trả nợ cho bà Mai Thị H số tiền 1.300.000.000 đồng trong vòng 02 tháng.

[5] Tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng A đại diện theo ủy quyền cho anh Nguyễn Hoàng Q đồng ý một mình bà Ngô Kim V (mẹ) trả nợ cho bà Mai Thị H số tiền 1.300.000.000 đồng trong vòng 02 tháng.

Xét yêu cầu của các đương sự:

[1] Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D đại diện theo ủy quyền của bà H đồng ý cho bà Ngô Kim V và hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T gồm bà Ngô Kim V, anh Nguyễn Hoàng Q, chị Nguyễn Bảo T1, cụ Đình Thị D1 có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị H số tiền 1.300.000.000 đồng trong vòng 02 tháng. Ông Nguyễn Hoàng A đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Kim V (tư cách bị đơn, tư cách hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T) đồng ý trả cho bà H số tiền 1.300.000.000 đồng trong vòng 02 tháng, bà V xin một mình trả nợ cho bà H.

Xét thấy nguyên đơn và bị đơn bà V thỏa thuận bà V và hàng thừa kế ông T còn nợ bà H số tiền 1.300.000.000 đồng, nhưng bà V xin một mình trả nợ 1.300.000.000 đồng cho bà H, bà H không đồng ý mà bà H yêu cầu bà V và hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T là: bà Ngô Kim V, anh Nguyễn Hoàng Q, chị Nguyễn Bảo T1, cụ Đình Thị D1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà H vì ông T có để lại di sản thừa kế. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc bà Ngô Kim V, hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông T1 là Bà Ngô Kim V, anh Nguyễn Hoàng Q, chị Nguyễn Bảo T1, cụ Đình Thị D1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Mai Thị H số tiền 1.300.000.000 đồng trong vòng hai tháng.

[2] Ông Nguyễn Văn D đại diện cho bà Mai Thị H đồng ý trả lại cho bà V và hàng thừa kế của ông T 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hồ sơ gốc số 655-154/2007/QĐ.UB.GCN tách từ hồ sơ gốc 3551(cấp do chuyển dịch lần 1) do UBND thành phố M cấp ngày 11-9-2007 cho ông Nguyễn Thanh T đứng tên bản chính.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Tóm tắt nội dung, nhận định phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[4] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Mai Thị H nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Ngô Kim V, và hàng thừa kế của ông T phải chịu 51.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 464; Điều 466; Điều 614; Điều 615; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị H.

1. Buộc bà Ngô Kim V, hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T gồm bà Ngô Kim V, anh Nguyễn Hoàng Q, chị Nguyễn Bảo T1, cụ Đình Thị D1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai Thị H số tiền 1.300.000.000 đồng trong vòng 02 tháng. Kể khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Ghi nhận bà Mai Thị H trả lại cho bà Ngô Kim V và hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hồ sơ gốc số 655-154/2007/QĐ.UB.GCN tách từ hồ sơ gốc 3551 (cấp do chuyển dịch lần 1) do UBND thành phố M cấp ngày 11-9-2007 cho ông Nguyễn Thanh T đứng tên bản chính, khi bà V và hàng thừa kế của ông T trả nợ cho bà H xong.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bà V, anh Nguyễn Hoàng Q, chị Nguyễn Bảo T1, cụ Đình Thị D1 không thi hành, hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Ngô Kim V, hàng thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T là bà Ngô Kim V, anh Nguyễn Hoàng Q, chị Nguyễn Bảo T1, cụ Đình Thị D1 phải chịu 51.000.000 đồng án phí dân sự dân sự.

4. Bà Mai Thị H, bà Ngô Kim V, anh Nguyễn Hoàng Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Đình Thị D1, chị Nguyễn Bảo T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS TP.M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa